

Số: 348 /FOMECO

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty : Công ty Cổ phần cơ khí Phổ Yên
- Trụ sở chính: : Phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại : (+84208) 3863694 Fax: (+84208) 3863118
- Email : Info@fomeco.vn
- Sàn giao dịch : UPCOM
- Mã chứng khoán : FBC
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Việt Bắc – Người UQ Công bố thông tin
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
- **Nội dung thông tin công bố:** Công bố thông tin bất thường về việc FOMECO nhận được kết luận thanh tra số 4572/KL-BCT của Bộ Công Thương. Nội dung kết luận “Về Thanh tra việc chấp hành các quy định của nhà nước trong công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công tác đầu tư, mua sắm thiết bị tại Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên”

Công ty CP cơ khí Phổ Yên trân trọng công bố thông tin trên để quý Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để thực hiện công bố thông tin ra công chúng theo quy định hiện hành.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/8/2022 tại đường dẫn: <http://fomeco.vn>

Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT;
- Đăng website Công ty.

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Việt Bắc

Số: ^{4 5 7 2} /KL-BCT

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

CÔNG TY CP CƠ KHÍ PHỔ YÊN	
CV	Số: <i>MM</i>
ĐẾN	Ngày: <i>11</i> tháng <i>8</i> năm <i>2022</i>
	Chuyên:

Về Thanh tra việc chấp hành các quy định nhà nước trong công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công tác đầu tư, mua sắm thiết bị tại Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 75/QĐ-BCT về thành lập Đoàn Thanh tra việc chấp hành các quy định nhà nước trong công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công tác đầu tư, mua sắm thiết bị tại Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Báo cáo của Tổ thẩm định Kết quả thanh tra và Tờ trình của Chánh Thanh tra Bộ, Bộ Công Thương đồng ý với Báo cáo của Trưởng đoàn thanh tra và kết luận như sau:

Phần thứ nhất
ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (Công ty) có trụ sở chính tại phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Công ty được thành lập ngày 19 tháng 10 năm 1974 theo Quyết định số 283/QĐ/TCNSĐT của Bộ trưởng Bộ công nghiệp nặng với tên gọi là “Nhà máy vòng bi”. Ngày 06 tháng 01 năm 1996, Nhà máy đổi tên thành “Nhà máy Cơ khí Phổ Yên” thuộc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp (VEAM) - Bộ Công nghiệp. Tháng 4 năm 2002, Nhà máy Cơ khí Phổ Yên được đổi tên thành “Công ty Cơ khí Phổ Yên”. Từ ngày 12 tháng 12 năm 2003 đến nay là Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên, theo Quyết định số 215/2003/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công Thương.

1.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy

Mô hình quản trị:

- Hội đồng Quản trị gồm: 05 thành viên; Ban kiểm soát gồm: 03 thành viên; Ban lãnh đạo Công ty gồm 04 thành viên: 01 Giám đốc điều hành; 02 Phó Giám đốc

Công ty; 01 Kế toán trưởng.

- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty bình quân năm 2021: 960 người. Công ty có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại Nhà số 19 đường 36 phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh.

1.2. Số giấy phép đăng ký kinh doanh, vốn hoạt động.

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4600355393, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 5 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 05 năm 2021.

- Vốn điều lệ: 37.000.000.000 đồng.

- Vốn góp của VEAM: 18.870.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ là 51%).

2. Công tác điều hành, giám sát, quản lý vốn, tài sản của người đại diện vốn VEAM tại Công ty

- Năm 2019, 2020, Người đại diện phần vốn VEAM tại Công ty gồm 03 người, trong đó có 02 người đại diện vốn là thành viên Hội đồng quản trị, 01 người đại diện vốn là thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

- Các công tác điều hành, giám sát, quản lý vốn tài sản của người đại diện vốn VEAM được thực hiện thông qua các hoạt động của Hội đồng quản trị. Đối với một số hoạt động điều hành, giám sát, quản lý vốn, tài sản phải xin ý kiến Chủ sở hữu VEAM, Người đại diện vốn VEAM tại Công ty thực hiện xin ý kiến theo quy định.

- Người đại diện vốn đã theo dõi, thu thập thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh; giám sát tình hình tài chính; gửi các báo cáo theo quy định.

3. Những thành tích đã đạt được những năm gần đây

Huân chương Lao động hạng Nhất 2018; Cờ thi đua của tỉnh Thái Nguyên 2018; Bằng khen của UBND tỉnh Thái Nguyên 2020;

II. CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA, KIỂM TOÁN, ĐIỀU TRA CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG CÓ THẨM QUYỀN

Trong 2 năm 2019, 2020, Công ty đã được các cơ quan Quản lý nhà nước thanh tra, kiểm tra cụ thể như sau:

1. Năm 2019: Cục thuế tỉnh Thái Nguyên kiểm tra thuế TNCN theo Quyết định số 2409/QĐ-CT ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Kết quả kiểm tra: Truy thu số thuế TNCN 16.848.650 đồng; Xử phạt hành chính khai sai năm 2018 là 3.369.730 đồng; Tiền chậm nộp: 907.539 đồng.

2. Năm 2020: Tổng Công ty VEAM thực hiện giám sát tài chính trực tiếp tại Công ty theo Quyết định số 183/QĐ-KTTC ngày 30 tháng 09 năm 2020 của VEAM.

* Kết luận giám sát tài chính của VEAM:

Trong quá trình giám sát tài chính, Tổ công tác VEAM chưa phát hiện thấy những nội dung sai phạm hoặc không tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước liên quan đến công tác quản lý tài chính của Công ty.

Đến thời điểm thanh tra, nội dung kiến nghị đã được Công ty thực hiện, một số nội dung đang được tiếp tục thực hiện theo quy định.

Phần thứ hai KẾT QUẢ THANH TRA

Kế thừa các Kết quả kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền đối với Công ty nêu trên, Bộ Công Thương kiểm tra một số nội dung sau:

A. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ

I. Việc ban hành các văn bản quản lý sử dụng vốn, tài sản

Đơn vị đã thực hiện việc ban hành các văn bản có liên quan đến công tác quản lý sử dụng vốn, tài sản tại Công ty¹

II. Công tác quản lý sử dụng vốn, tài sản

Năm 2019, 2020 vốn và tài sản tại Công ty thể hiện qua bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Ngày 01/01/ 2019	Ngày 31/12/ 2019	Ngày 31/12/ 2020
I	Tài sản ngắn hạn	213.714.194.796	204.555.172.814	221.647.923.760
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	19.474.092.396	50.095.949.247	76.190.263.585
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	30.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	102.106.761.414	103.625.485.671	89.992.539.659
4	Hàng tồn kho	88.485.450.707	49.963.179.264	25.081.205.323
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.647.890.279	870.558.632	383.915.193
II	Tài sản dài hạn	87.711.654.479	82.746.142.900	90.965.749.724
1	Tài sản cố định	77.743.226.377	73.180.076.434	80.678.016.594
2	Tài sản dở dang dài hạn	45.412.000	-	1.078.616.300
3	Đầu tư tài chính dài hạn	149.822.302	149.822.302	149.822.302
4	Tài sản dài hạn khác	9.773.193.800	9.416.244.164	9.059.294.528
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	301.425.849.275	287.301.315.714	312.613.673.484
III	Nợ phải trả	227.375.274.256	201.598.153.264	195.495.433.517
1	Nợ ngắn hạn	211.842.708.100	191.091.572.568	185.649.638.281
2	Nợ dài hạn	15.532.566.156	10.506.580.696	9.845.795.236
IV	Vốn chủ sở hữu	74.050.575.019	85.703.162.450	117.118.239.967
1	Vốn chủ sở hữu	74.050.575.019	85.703.162.450	117.118.239.967
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	301.425.849.275	287.301.315.714	312.613.673.484

¹ Điều lệ công ty; Quyết định số 393A/FOMEACO ngày 04 tháng 7 năm 2014, Quyết định số 1079/FOMEACO ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc ban hành Quy chế quản lý công nợ của Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên; Quyết định số 906/QĐ-FOMEACO; Quyết định số 675A/QĐ-FOMEACO ngày 08 tháng 6 năm 2015 về việc ban hành Quy chế đầu tư và thanh lý tài sản của Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên; Quyết định số 74A/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2016 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên; Quyết định số 761/QĐ-FOMEACO ngày 12 tháng 11 năm 2018 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên; Quyết định 1080/FOMEACO ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên.

1. Quản lý tiền và các khoản tương đương tiền

Công ty quản lý và hạch toán tiền mặt phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, chưa phát hiện những sai sót, nhầm lẫn trong quản lý và sử dụng tiền mặt tại quỹ. Cuối năm tài chính đã tổ chức kiểm kê tiền mặt tại quỹ và xác nhận số dư với ngân hàng theo quy định.

2. Quản lý và sử dụng vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Vốn chủ sở hữu	85.703.162.450	117.118.239.967
Tổng tài sản	287.301.315.714	312.613.673.484
Lợi nhuận sau thuế	31.210.587.431	46.791.606.889
Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	0,36	0,40
Tỷ suất LNST/Tổng TS (ROA)	0,11	0,15

Vốn chủ sở hữu được quản lý và sử dụng có hiệu quả. Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

3. Công tác quản lý công nợ

Theo báo cáo của Công ty, công nợ năm 2019 và 2020 thể hiện qua bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Công nợ	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng trong năm	Phát sinh giảm trong năm	Số dư cuối năm
Năm 2019				
Phải thu khách hàng	93.331.240.816	1.031.417.511.875	1.024.135.513.895	100.613.238.796
Tạm ứng	195.200.000	1.702.144.000	1.797.344.000	100.000.000
Phải thu khác	642.492.680	3.800.297.180	3.113.894.083	1.328.895.777
Phải trả người bán ngắn hạn	102.461.020.549	753.434.393.623	759.528.389.369	96.367.024.803
Phải trả ngắn hạn khác	8.496.862.248	31.528.425.972	32.520.646.238	7.504.641.982
Năm 2020				
Phải thu khách hàng	100.613.238.796	910.657.692.506	923.050.939.819	88.219.991.483
Tạm ứng	100.000.000	1.373.281.000	1.473.281.000	0
Phải thu khác	1.328.895.777	2.409.692.232	3.516.651.496	221.936.513
Phải trả người bán ngắn hạn	96.367.024.803	658.364.587.351	655.069.233.571	93.071.671.023
Phải trả ngắn hạn khác	7.504.641.982	21.788.549.243	20.134.954.928	5.851.047.667

- Quản lý và theo dõi các khoản phải thu

Theo báo cáo Công ty, Năm 2019, tổng các khoản phải thu 103.625.485.671 đồng, chiếm 36,1% tổng tài sản. Năm 2020, tổng các khoản phải thu 89.992.539.659 đồng, chiếm 28,8 % tổng tài sản. Trong đó chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, năm 2019 là 101.114.299.061 đồng chiếm 97,6%; năm 2020 là 88.333.576.061 đồng, chiếm 98,2%.

- Công nợ phải thu khó đòi: Đến thời điểm thanh tra theo báo cáo của đơn vị,

có 03 khoản phải thu khó đòi là Công ty TNHH MTV máy kéo và máy nông nghiệp (TAMAC): 609.516.888 đồng (phát sinh từ năm 2016); Công ty Cổ phần cơ khí đúc và Thương mại Hưng Thành: 40.000.000 đồng (Phát sinh từ 05/10/2015) và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Hồng Long, số tiền 30.000.000 đồng (phát sinh từ tháng 01 năm 2017). Cụ thể:

+ Công ty TNHH MTV máy kéo và máy nông nghiệp (TAMAC)

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 06 HĐNT/TAMAC-FOMEKO ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên cung cấp hàng hóa cho Công ty TNHH MTV máy kéo và máy nông nghiệp (TAMAC), thời hạn thanh toán theo quy định tại điều 5 của Hợp đồng “Thời hạn thanh toán: trong vòng 60 ngày kể từ khi giao hàng và xuất hóa đơn GTGT”. Công ty đã bán các sản phẩm là trục, bánh răng cho Công ty TAMAC trong năm 2016, 2017 với tổng giá trị 1.907.163.121 đồng, do khách hàng gặp khó khăn về tài chính nên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty TAMAC còn nợ Công ty FOMEKO số tiền 712.062.463 đồng (Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 609.516.888 đồng).

Hàng năm Công ty TAMAC vẫn tiếp tục thanh toán dần công nợ cho Công ty, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 số tiền Công ty TAMAC còn nợ Công ty là 391.963.262 đồng.

+ Công ty Cổ phần cơ khí đúc và Thương mại Hưng Thành:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 309/2015/HĐKT/KT ngày 30 tháng 09 năm 2015 về việc chế tạo vật tư thiết bị cơ khí, Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên đặt hàng sản phẩm Bạc đồng (vật liệu hợp kim đồng) của Công ty Cổ phần cơ khí đúc và Thương mại Hưng Thành (Công ty Hưng Thành), giá trị hợp đồng là 80.370.000 đồng.

Căn cứ Điều 5 của Hợp đồng: “Phương thức thanh toán: Đợt 1 - Ứng trước 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng”, Công ty đã chuyển trả Công ty Hưng Thành số tiền 40.000.000 đồng ngày 05 tháng 10 năm 2015.

Do hàng hóa không đạt chất lượng như hợp đồng nên Công ty không đồng ý nhận hàng và đề nghị Công ty Hưng Thành giao hàng đúng yêu cầu như hợp đồng. Công ty Hưng Thành không tiếp tục thực hiện hợp đồng và không hoàn trả lại khoản ứng trước hợp đồng với lý do chi phí sản xuất đã lớn hơn số tiền ứng trước. Công ty có gửi thư đối chiếu công nợ nhưng Công ty Hưng Thành không gửi lại thư xác nhận. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 40.000.000 đồng.

+ Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Hồng Long.

Căn cứ Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở xã hội, trung tâm thương mại và nhà ở cao cấp Hồng Long tại thôn Đông Sinh, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Hợp đồng số 1202/2016/HĐKT ngày 02 tháng 12 năm 2016 giữa Công ty và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Hồng Long (Công ty Hồng

Long) về việc thiết kế công trình nhà ở tái định cư Cơ khí Phổ Yên, giá trị hợp đồng là 136.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

Tại mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng: “Hình thức thanh toán: Đợt 1 – Tạm ứng số tiền 30.000.000 đồng sau khi hai bên thống nhất ký kết hợp đồng. Công ty đã chuyển khoản cho Công ty Hồng Long số tiền 30.000.000 đồng ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Do Công ty Hồng Long vi phạm các quy định và cam kết nên UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 chấm dứt dự án khu nhà ở xã hội, Trung tâm thương mại và Nhà ở cao cấp Hồng Long tại thôn Đông Sinh, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Vì vậy, Hợp đồng Công ty đã ký với Công ty Hồng Long không tiếp tục thực hiện được. Hiện nay, chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty Hồng Long là ông Dương Văn Quang đang bị truy tố và Công ty Hồng Long không hoạt động tại địa chỉ đăng ký nên Công ty không liên lạc được với Công ty Hồng Long để giải quyết số công nợ trên. Đơn vị đã trích lập dự phòng nợ khó đòi theo Quyết định số 393A/QĐ-FOMECON ngày 04 tháng 7 năm 2014 về ban hành Quy chế quản lý công nợ của Công ty.

*** Nhận xét:**

Các khoản công nợ đã được cập nhật hạch toán theo dõi trên hệ thống tài khoản kế toán chi tiết theo từng đối tượng theo quy định. Công ty đã chủ động trong việc đối chiếu công nợ với khách hàng. Đối với các khoản phải thu khó đòi đơn vị đã thực hiện việc trích dự phòng phải thu theo quy định.

Việc đối chiếu xác nhận công nợ phải thu của khách hàng và trả trước cho người bán còn thực hiện chưa đầy đủ, một số khách hàng chưa có biên bản xác nhận nợ, số có xác nhận năm 2019 đạt 72.5%, năm 2020 là 61.8% / tổng số các khoản nợ.

Không quy định cụ thể điều khoản bồi thường vi phạm trên Hợp đồng kinh tế số 309/2015/HĐKT/KT ngày 30 tháng 09 năm 2015 với Công ty Cổ phần cơ khí đúc và Thương mại Hưng Thành.

4. Công tác quản lý và sử dụng vốn vay

4.1. Năm 2019, Công ty có 02 hợp đồng tín dụng của Ngân hàng với tổng vốn vay được giải ngân trong năm 2019 là 198.256.305.074 đồng. Cụ thể:

1. Theo Hợp đồng số 01/2018/469346/HĐTD ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Thái Nguyên.

Hạn mức vay: 50.000.000.000 đồng.

Thời gian vay: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/6/2019.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Tổng có 20 hợp đồng

tín dụng cụ thể với số vốn vay là 120.176.535.988 đồng. Mỗi hợp đồng vay thời hạn 06 tháng với lãi suất vay 6.0%/ năm. Lãi suất đã trả là 310.876.004 đồng.

* Nhận xét:

Kế hoạch khoản vay đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Biên bản họp số 379/BB-HĐQT ngày 14 tháng 6 năm 2018. Đơn vị sử dụng các khoản vay theo quy định.

Hợp đồng số 20, số tiền giải ngân là 4.840.281.765 đồng, khoản vay có thời gian giải ngân và thời gian hạch toán chưa phù hợp (thời gian giải ngân là 16/01 nhưng thời gian hạch toán trong sổ chi tiết là 15/01).

2. Theo Hợp đồng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT222-CKPY ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Sông Công.

Hạn mức vay: 50.000.000.000 đồng; Thời gian duy trì từ ngày 11 tháng 10 năm 2018 đến hết ngày 11 tháng 10 năm 2019; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động phù hợp với đăng ký kinh doanh.

Trong đó gồm 12 giấy nhận nợ, tổng 3.362.371 USD, đồng thời Công ty thực hiện bán USD tương ứng là 77.994.937.256 đồng. Mỗi giấy nhận nợ thời hạn 05 tháng. Tháng 01 năm 2019 có 03 giấy nhận nợ giải ngân trị giá 24.422.109.976 đồng vay với lãi suất 4%/năm, các hợp đồng còn lại vay với lãi suất 3.7%/năm. Lãi suất đã trả là 175.292.387 đồng

* Nhận xét:

Kế hoạch khoản vay đã được Hội đồng quản trị thông qua tại biên bản họp số 01/BB-HĐQT ngày 06 tháng 9 năm 2018. Công ty đã sử dụng khoản vay đúng theo hợp đồng.

3. Hợp đồng số 02/2018/469346/HĐTD ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Thái Nguyên,

Khoản vay đã được sử dụng theo quy định và tất toán vào năm 2019.

4.2. Năm 2020: Công ty không có khoản vay vốn.

5. Công tác quản lý, sử dụng tài sản cố định

Đơn vị tính: đồng

Năm	NG trên BCĐKT	giá trị đã KH	giá trị còn lại 31/12	giá trị KH trong kỳ
2019	362.147.377.819	289.183.537.089	73.180.076.434	32.670.558.397
2020	399.514.731.951	320.881.519.369	80.678.016.594	31.914.217.984

Đơn vị đã thực hiện việc mở sổ theo dõi TSCĐ theo quy định. Các tài sản cố

định đầu tư trong năm 2019, năm 2020 được đơn vị cập nhật theo dõi, hạch toán, quản lý trên hệ thống sổ kế toán và được đưa vào sử dụng. Công ty đã tổ chức kiểm kê tài sản theo quy định.

Việc thanh lý tài sản:

Năm 2019, Công ty thanh lý 01 tài sản không cần dùng là xe ô tô bán tải VINAXUKI, biển số 20L-1823 (nguyên giá là 216.235.704 đồng, giá trị còn lại theo sổ sách bằng 0, giá trị thu hồi 27.727.273 đồng).

Năm 2020, Công ty thanh lý các loại tài sản, nguyên giá 2.044.804.012 đồng, đã khấu hao 2.044.804.012 đồng, giá trị thu hồi 356.818.183 đồng.

** Nhận xét:*

Việc thanh lý tài sản của Công ty thực hiện theo Quy chế đầu tư và thanh lý tài sản theo Quyết định 657A/QĐ-FOMEKO ngày 08 tháng 6 năm 2015 và Quyết định số 906/QĐ-FOMEKO ngày 09 tháng 7 năm 2020, có lập Hội đồng thanh lý, định giá tài sản và đăng công khai trên trang Web của Công ty.

6. Quản lý hàng tồn kho

Căn cứ sổ kế toán Công ty cho thấy: Hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 54.322.835.801 đồng, chiếm 17,4% tổng tài sản. Năm 2020 số lượng hàng tồn kho giảm 49,8 % so với năm 2019, giá trị hàng tồn kho là 25.801.690.735 đồng chiếm tỉ lệ 8,2% tổng tài sản.

Đơn vị đã thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm 2019 là 4.359.656.537 đồng (trong đó: Số trích lập dự phòng cuối năm 2018 là 4.186.395.884 đồng, số trích lập dự phòng tăng thêm là 173.260.653 đồng; năm 2020 số trích lập là 2.104.286.165 đồng, Số hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 5.743.484.290; Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm 2020 là 720.458.412 đồng. Kết thúc năm tài chính, Công ty đã thực hiện việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho làm cơ sở lập Báo cáo tài chính theo quy định.

7. Công tác quản lý và sử dụng đất

Tổng diện tích đất quản lý sử dụng là 172.099 m². (nguồn gốc đất: nhà nước cho thuê). Trong đó: Diện tích đất Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm là 135.785 m² (gồm: đất xây dựng nhà xưởng sản xuất cơ khí, văn phòng là 134.673 m²; đất sử dụng làm nhà ở tập thể, diện tích 1.112 m²); diện tích đất thuê trả tiền thuê đất một lần là 36.314 m².

Diện tích đất trả tiền một lần chưa sử dụng đơn vị đã cho 03 Công ty² thuê lại để SXKD (Cho thuê theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên) với diện tích là 24.356 m², thời gian thuê 30 năm, số tiền cho thuê gồm cả thuế GTGT là 11.180.000.000 đồng.

² Công ty TNHH thương mại Phú An Thịnh; Công ty TNHH MTV nhiệt luyện Việt Hoàng; Công ty cổ phần Plato Việt Nam

*** Nhận xét:**

Đơn vị đã sử dụng đất và cho thuê lại đất chưa sử dụng theo quy định. Các đơn vị thuê đất tại Công ty có ngành nghề sản xuất kinh doanh về gia công mạ, nhiệt luyện, nhờ đó Công ty có nhiều thuận lợi khi hợp tác SXKD và thuê gia công sản phẩm, giúp tiết kiệm được chi phí vận chuyển, giảm giá thành. Tuy nhiên, việc cho thuê lại đất với thời gian dài sẽ dẫn đến việc mở rộng hoạt động sản xuất của Công ty không được chủ động và phát huy hiệu quả.

8. Quản lý tiền lương

Hàng năm, đơn vị đã thực hiện việc xây dựng Kế hoạch tiền lương và thực hiện chi lương theo quy chế phân phối quỹ tiền lương do Công ty ban hành. Tuy nhiên, còn tồn tại sau:

- Chưa thực hiện việc trích quỹ dự phòng tiền lương và quỹ khuyến khích sản xuất từ Quỹ tiền lương theo quy định tại Điều 5 Quy chế Phân phối tiền lương ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2017.

- Chưa kịp thời điều chỉnh kế hoạch quỹ lương năm 2019 đối với người quản lý tại Công ty (tại thời điểm xây dựng quỹ lương kế hoạch đối với bộ phận người quản lý năm 2019 có 06 người, đơn vị lập kế hoạch là 07 người), số tiền lương bình quân kế hoạch lập chưa đúng thực tế là 534 triệu đồng).

9. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019, năm 2020, đã được kiểm toán, tại thời điểm 31/12/2020 ghi nhận 01 khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa (Phát sinh từ năm 2007, số tiền 149.822.302 đồng, là khoản đầu tư cổ phiếu, do Công ty thu hồi nợ bằng cổ phiếu), hàng năm không thu được cổ tức do không có thông tin gì về Doanh nghiệp này.

Theo báo cáo của Công ty, năm 2021, Công ty đã có văn bản gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xin hỗ trợ cung cấp thông tin, xác nhận địa chỉ hoạt động của Công ty cổ phần du lịch Thác Đa theo địa chỉ trên giấy chứng nhận sở hữu cổ phần và đã nhận được văn bản trả lời của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, Do dịch bệnh covid diễn biến phức tạp nên Công ty chưa đến địa chỉ hoạt động của Công ty Thác Đa để làm việc. Năm 2022, Công ty đang tiếp tục liên hệ và yêu cầu cung cấp Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Thác Đa và xây dựng phương án giải quyết trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

10. Công tác quản lý, mua sắm và sử dụng vật tư

Đơn vị thực hiện theo các Quy trình do Công ty ban hành gồm: Quy trình mua hàng mã hiệu QT-02 sửa đổi ngày 10 tháng 7 năm 2017; Quy trình lựa chọn nhà cung cấp QT-04 sửa đổi ngày 10 tháng 7 năm 2017. Quy trình quản lý kho TM-QT-05 ban hành ngày 10 tháng 7 năm 2017.

Vật tư hàng hóa mua về đã được kiểm tra trước khi nhập kho và được xuất

cho các xưởng sản xuất theo kế hoạch sản xuất của bộ phận Điều hành sản xuất hoặc theo Lệnh sản xuất. Định kì 6 tháng và cuối năm tài chính đơn vị tổ chức kiểm kê kho vật tư theo quy định. Tuy nhiên, còn một số tồn tại sau:

- Một số biên bản kiểm tra vật tư nguyên liệu đầu vào xác định vật tư chưa đạt tiêu chuẩn quy định nhưng vẫn làm thủ tục nhập kho³.

- Việc cập nhật ghi chép theo dõi trên thẻ kho vật tư không chính xác, kịp thời dẫn đến tình trạng âm vật tư trên thẻ kho với khối lượng lớn gây khó khăn trong công tác kiểm tra đối chiếu⁴.

- Một số phiếu nhập kho vật tư chưa ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng nhập (PN tháng 6, số 32/3, 33/3)

10.1. Công tác quản lý vật tư thu hồi:

Vật tư thu hồi bao gồm phoi, phế phẩm, đầu mẫu kim loại, dụng cụ cắt và sản phẩm sai hỏng được nhận xét trong phiếu xác nhận sai hỏng là do cảm quan, mất màu, linh phụ kiện hỏng ...vv). Định kỳ hàng tuần căn cứ biên bản phế phẩm các đơn vị sản xuất nhập kho phế liệu. Đối với phế phẩm vượt định mức cho phép các đơn vị xí nghiệp có trách nhiệm bồi hoàn giá trị phế phẩm (tại Bảng tổng hợp thanh toán vật tư các xí nghiệp hàng tháng). Định kỳ tùy thuộc theo số lượng Trung tâm Thương mại đề xuất Hội đồng thanh lý thực hiện bán thanh lý theo phương án đấu giá. Qua thanh tra cho thấy:

Một số biên bản sai hỏng lập với mục đích thống kê số lượng các sản phẩm sai hỏng để xí nghiệp nhập kho phế phẩm. Giá trị sản phẩm sai hỏng của từng xí nghiệp được tổng hợp theo từng tháng tại Bảng tổng hợp sai hỏng do các xí nghiệp lập. Tuy nhiên, một số Biên bản sai hỏng có một số sản phẩm không có đơn giá⁵.

Một số sản phẩm xí nghiệp rèn sản xuất vượt định mức phế phẩm quy định như (Sản phẩm Honda 2019, phanh số, vòng bi), có sản phẩm thấp hơn định mức quy định (Nhiệt luyện, honda 2020). Đối với sản phẩm phế phẩm vượt định mức đơn vị đã xác định lỗi nguyên nhân do khách quan, chủ quan và tiến hành việc xử lý bồi thường thông qua hình thức trừ vào lương theo quy chế Công ty.

Biên bản sai hỏng có một số sản phẩm chưa ghi đầy đủ chỉ tiêu đơn giá theo biểu mẫu quy định.

³ Biên bản kiểm tra chất lượng của sản phẩm thép QT60CrV-1 do công ty Wisdom cung cấp số 1164 ngày 25/5/2020 nhập 16.994kg, biên bản số 1165 ngày 25/5/2020 nhập 2.688 kg; số 1346 ngày 17/6/2020 nhập 2.666 kg; số 1347 ngày 17/6/2020 nhập 7.300 kg; số 1390 ngày 25/6/2020 nhập 10.856kg; và số 2039 ngày 15/10/2020 nhập 10.772 kg; sản phẩm thép STK 40027.2 x 2 x 2264 do công ty Minh Tiến cung cấp (biên bản kiểm tra chất lượng số 1099 ngày 10/6/2020 nhập 1.446 kg và biên bản số 1390 ngày 20/7/2020 nhập 999 kg)

⁴ Năm 2019: Thép STK290 phi 21.2x 2 ngày 26/4/19 âm 3.992kg; ngày 31/7/2019 âm 6.707 kg; Suj2 phi 25 ngày 20/11/2019 âm 27.110 kg; vòng bi 4.763-G10 ngày 11/2019 âm 3.634.160 viên. Năm 2020: Năm 2020: Thép STK290 phi 21.2x 2 âm kho các ngày 26/2, 25/3, 26/5, 24/6 trong đó ngày 26/5 âm kho 50.916kg, STK 290 phi 27.2 x2 âm từ ngày 31/1 đến 19/10 trong đó ngày 27/6 âm 35.049kg... và một số vật tư khác như đai ốc trái, viên bi 4,463; 9,525; thép suj2 phi 25, băng xẻ SPHC 2.3x100...

⁵ Biên bản sai hỏng số 15 ngày 06 tháng 1 năm 2020; Biên bản không số ngày 05 tháng 12 năm 2019; biên bản số 01 ngày 04 tháng 10 năm 2019.

10.2. Việc bán phế liệu:

Công ty thực hiện theo Quy chế đầu tư và thanh lý tài sản, ban hành kèm theo Quyết định số 675A/QĐ-FOMEKO ngày 08 tháng 6 năm 2015 và Quyết định số 906/QĐ-HĐQT ngày 09/07/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty “Việc nhượng bán, thanh lý tài sản được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện đấu giá công khai theo quy định của pháp luật và Công ty”. Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị thanh lý của Trung tâm Thương mại trình Hội đồng đầu tư và thanh lý tài sản và Giám đốc phê duyệt.
- Trung tâm Thương mại triển khai bán đấu giá hoặc thuê tổ chức đấu giá.
- Lập hợp đồng mua bán sau khi lựa chọn đơn vị mua
- Trung tâm thương mại, kế toán, bảo vệ giám sát việc cân phế liệu theo nội dung hợp đồng
- Trung tâm thương mại xuất hóa đơn căn cứ vào số lượng cân sau khi đối chiếu cùng kế toán.

Qua thanh tra cho thấy:

Tại Hợp đồng không có số ngày 13 tháng 3 năm 2019, đơn vị mua là Công ty TNHH Danh Hoàn, trên hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số lượng 600 tấn, số tiền là 4.080.000.000 đồng; Số lượng trên hợp đồng đấu giá dịch vụ tài sản số 19/HĐ-BCV-VB/ĐG. Ngày 01/02/2019 của Chi nhánh thẩm định giá và đấu giá Việt Bắc - Công ty CP tư vấn và thẩm định giá doanh nghiệp trùng khớp với số tiền ghi trong hợp đồng. Tuy nhiên, trong biên bản thanh lý hợp đồng ngày 10 tháng 5 năm 2019 và hoá đơn giá trị gia tăng (Đơn vị mua Công ty TNHH Danh Hoàn) ghi nhận số lượng là 166,355 tấn, số tiền là 1.131.796.000 đồng.

Việc ký kết hợp đồng thuê đấu giá và đấu giá lô sắt thép phế bán cho Công ty TNHH Danh Hoàn khối lượng đấu giá không đúng thực tế, vi phạm Điều 36 Luật số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016 về đấu giá.

B. Công tác đầu tư Xây dựng, Cải tạo sửa chữa tài sản và mua sắm máy móc thiết bị.

I. Công tác đầu tư xây dựng dự án, công trình: năm 2019 và năm 2020, căn cứ vào hồ sơ và báo cáo của Công ty, không có dự án, công trình đầu tư.

II. Công tác Cải tạo, sửa chữa

1. Năm 2019

Trong năm 2019, Công ty thực hiện tổng cộng 48 hạng mục cải tạo sửa chữa với tổng số tiền 9.946.378.424 đồng, trong đó: có 02 hạng mục cải tạo sửa chữa lớn 3.693.422.834 đồng và 46 hạng mục nhỏ (giá trị 6.252.955.590 đồng).

Kết quả kiểm tra hồ sơ một số hạng mục, gói thầu cụ thể như sau:

- Gói thầu: Sửa chữa nhà bếp và nhà ăn cán bộ công nhân viên

Gói thầu đã thực hiện theo trình tự quy định. Công trình thi công chậm tiến độ khoảng 4 tháng. Hợp đồng không quy định rõ mức phạt chậm tiến độ; Hồ sơ thiết kế thi công được thẩm tra thiếu chữ ký xác nhận. Bản vẽ hiện trạng thiếu bảng thống kê khối lượng; thiếu nghiệm thu lớp nền; vật liệu thiếu chứng nhận xuất xứ gạch lát.

- *Gói thầu: Nâng cấp, cải tạo mặt bằng đường trục chính, đường nhánh*

Gói thầu thực hiện theo trình tự quy định; Hồ sơ chưa minh chứng đầy đủ khoảng cách vận chuyển bê tông nhựa mã AD 27252.

- *Gói thầu: Cải tạo hệ thống thu gom nước mưa mặt đường*

Gói thầu thực hiện theo trình tự quy định, hồ sơ gói thầu được lưu giữ theo quy định.

- *Các hạng mục sửa chữa nhỏ lẻ:* Một số hạng mục nội dung báo giá chưa đầy đủ, không có bản vẽ hoàn công; không viết nhật ký thi công, chưa có nghiệm thu vật liệu đầu vào. Một số gói thiếu biên bản thanh lý Hợp đồng.

Không có biên bản khảo sát; không có bản vẽ thi công, nhật ký, bản vẽ hoàn công. (Hạng mục Xây dựng bó gốc cây xà cừ trước cửa D3 tổng kho và xí nghiệp Cơ khí 2, Hạng mục sửa chữa nền xưởng Cơ khí 3, sửa nền gạch phòng, chống dột mái tầng 2 nhà hành chính mới, xây bồn hoa trước cửa nhà hành chính cũ; Hạng mục cải tạo sửa chữa nền xuất khẩu và xưởng rèn dập)

Chưa đầy đủ thông tin đo vẽ khối lượng sửa chữa khối lượng thực tế thi công, dự toán xây dựng khối lượng chưa sát với thực tế, dẫn đến việc nghiệm thu phát sinh (Hạng mục cải tạo Tổng kho, Hạng mục Sửa chữa và xây dựng Phòng lắp ráp xí nghiệp xuất khẩu, Hạng mục Khu vực nhà để xe cán bộ công nhân viên); Thiếu các hồ sơ nghiệm thu giai đoạn thi công, nhật ký thi công và nghiệm thu vật liệu đầu vào (Hạng mục cải tạo Tổng Kho).

2. Năm 2020

Công ty thực hiện 29 hạng mục cải tạo sửa chữa, trong đó có 02 hạng mục sửa chữa lớn và 27 hạng mục sửa chữa nhỏ. Tổng số tiền thực hiện là 6.535.751.655 đồng (đã bao gồm VAT). Số đã nghiệm thu thanh toán 6.535.751.655 đồng.

Kết quả kiểm tra một số hồ sơ cụ thể như sau:

- *Hạng mục: Sửa chữa tuyến Cống thoát nước mưa phía Đông.* Tổng mức đầu tư: 824.995.163 đồng, giá trị dự toán phê duyệt là 715.858.717 đồng.

*Nhận xét:

Công ty đã thực hiện thi công theo trình tự quy định. Tuy nhiên, Mã BB.12101 Lắp đặt ống cống D800, L=1,2m, 125 đoạn và Mã TT Đế cống D80:172. chưa có chứng chỉ xuất xưởng.

- *Hạng mục: Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung toàn Công ty.* Tổng mức đầu tư 2.676.475.000 đồng

Đơn vị đã thực hiện thi công theo trình tự quy định. Tuy nhiên, hồ sơ nghiệm thu còn thiếu chứng chỉ xuất xưởng đối với một sản phẩm do Việt Nam cung cấp như: Khớp nối tự động; Lược rác thô; Bồn pha hóa chất; Ống trung tâm và một số linh phụ kiện

- Đối với một số hạng mục cải tạo sửa chữa nhỏ lẻ

Các hạng mục cải tạo có hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, hóa đơn theo quy định. Tuy nhiên, hồ sơ còn một số tồn tại sau:

Thiếu Biên bản khảo sát, bản vẽ hiện trạng, đơn giá thực hiện cải tạo căn cứ trên chào giá của Nhà thầu, chưa lập theo quy định của nhà nước như định mức và công bố giá. Thiếu bản vẽ hoàn công, nhật ký thi công và nghiệm thu vật liệu (Hạng mục: Thi công tường rào nhà xe; Hạng mục: Nền, móng và tường nhà phun bi Xưởng mạ - Xí nghiệp CK3; Hạng mục: nạo vét hố ga, vệ sinh rửa kho chứa chất thải nguy hại, kho chứa dầu và thông tắc bể lọc kho phốt phát nhiệt luyện; Hạng mục: Hố ga lọc dầu và sửa chữa nền nhà xưởng phục vụ sản xuất tại Xí nghiệp Rèn Dập ...).

Không có biên bản khởi công, Biên bản bàn giao mặt bằng không có ngày và chữ ký của Chủ đầu tư và Nhà thầu, Không có quyết định lựa chọn nhà thầu (Hạng mục: Móng máy thủy lực CHK-31,5KJ, Hạng mục: Thi công tường rào nhà xe).

Một số hạng mục sửa chữa đơn giá dự toán lập chưa đầy đủ căn cứ (Hạng mục: Sửa chữa rãnh cáp điện, đường cáp thoát nước lò trung tần và phá tường ngăn Xí nghiệp Rèn; Hạng mục: Thi công hào cáp mới cho tủ điện nguồn và tủ điều khiển lò sơn mới – XN xuất khẩu; Hạng mục: Móng máy thủy lực CHK-31,5KJ..)

3. Mua sắm trang thiết bị

Năm 2019, Công ty thực hiện 27 gói thầu, mua tổng số 32 thiết bị. Trong đó 02 gói thầu thực hiện đấu thầu rộng rãi với giá trị là 7.611.000.000 đồng (03 thiết bị), còn lại đơn vị thực hiện theo hình thức chào hàng cạnh tranh, xét báo giá.

Năm 2020, thực hiện đầu tư mua sắm 31 gói thầu với 37 thiết bị, phương tiện vận tải⁶. Tổng số tiền đầu tư bao gồm (cả VAT) là 32.917.186.497 đồng. Trong đó: đấu thầu rộng rãi 11 gói, số tiền là 25.336.118.314 đồng, thực hiện chào hàng cạnh tranh 20 gói, số tiền là 7.581.068.183 đồng.

Kết quả kiểm tra một số gói thầu mua sắm⁷ và mua qua hình thức báo giá⁸ cho thấy:

Các gói thầu mua sắm đã được thực hiện theo quy chế Đầu tư và thanh lý tài

⁶ Bao gồm: 05 thiết bị thuộc kế hoạch năm 2019; 30 thiết bị phục vụ SX, 01 phương tiện vận tải và 01 thiết bị văn phòng theo kế hoạch năm 2020.

⁷ Gói thầu: Máy đo kích thước bằng hình ảnh IM7020, giá trị gói thầu 1.617.000.000 đồng; Gói thầu: Máy tiện CNC kiểu ngang QT-Primos 50SG (02 máy tiện tinh bi phốt), giá trị gói thầu 5.997.000.000 đồng; Năm 2020: Gói thầu Máy mài vô tâm điều khiển NC cấp phối tự động; Gói thầu Mua máy tiện CNC; Máy quang phổ phân tích thành phần kim loại; Cầu trục 3T dầm đôi tổng kho; Gói thầu Mua máy tiện CNC kiểu ngang

⁸ Máy nén khí Puma PK 72250; Mua Robot Hàn TM -1400vg 3; Mua máy rung cấp phối tự động (loại chống ồn); Máy Dập Hơi Automa 300T; Máy tiện CNC; Máy cắt dây nhiều lần CNC FT5063S-WA;

sản ban hành kèm theo Quyết định số: 657A/QĐ-FOMEACO ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên. Các thiết bị đầu tư qua kiểm tra đúng chủng loại, có hóa đơn chứng minh nguồn gốc và được đưa vào sử dụng theo quy định. Tuy nhiên, còn một số tồn tại sau:

- Một số hồ sơ không yêu cầu nhà cung cấp phải có các chứng chỉ xuất xưởng thiết bị, trong đó: năm 2019: 09 thiết bị⁹, năm 2020: 14 thiết bị¹⁰.

- Hồ sơ mua Máy Dập Hơi Automa 300T, Máy tiện CNC thiếu các báo giá của nhà cung cấp.

- Việc mua sắm qua hình thức báo giá: Một số Tờ trình mua thiết bị của xưởng sản xuất chỉ có tên thiết bị, chưa thể hiện được rõ thông số kỹ thuật và tính năng yêu cầu về thiết bị cần mua.

C. Hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ

I. Công tác lập kế hoạch và thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 và 2020 theo số liệu báo cáo như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
Giá trị tổng sản lượng	732	763	714	685,2
Doanh thu công nghiệp	788	811	743	729,9
Tổng doanh thu		957,4	863	846,4
Lợi nhuận sau thuế	23	31,2	27	46,8

Năm 2019, Giá trị tổng sản lượng đạt: 763,5 tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm 2018, tăng 4,3% mục tiêu nghị quyết ĐHCĐ giao (732 tỷ đồng); doanh thu SXCN là 811 tỷ tăng 2,9% so với NQ, tổng doanh thu 956,2 tỷ đồng tăng 10% so với năm 2018.

Năm 2020, Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Công ty đã điều chỉnh mục tiêu SXKD năm 2020 theo Nghị quyết số 04-2020/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị, cụ thể: Giá trị tổng sản lượng là 714 tỷ (giảm 10%) so với kế hoạch ban đầu, doanh thu sản xuất công nghiệp là 743 tỷ (giảm 11,7%), Tổng doanh thu 863 tỷ đồng (giảm 12,5%); Kết quả thực hiện, giá trị tổng sản lượng đạt 96% so với kế hoạch (giảm 6,4% so với 2019), doanh thu sản xuất công nghiệp đạt 98% (giảm 8,4% so với

⁹ Máy nén khí Puma PK 72250; Máy rung cấp phối tự động (loại chống ồn); Máy rung cấp phối tự động (loại chống ồn); Máy khoan, vát mép lỗ F4,3 và taro lỗ M5 sp 14451 KZR; Lò nung phối trung tần 110KW ký hiệu HDZ-110; Máy cuốn màng pallet T1650; Máy nén khí Kimar Model KR-03; Máy nén khí Puma PK 75250; Xe nâng dầu Mitsubishi).

¹⁰ Máy hàn khí ga N-500; Rô bốt hàn FD-V8+DM350; Máy nung trung tần HDZ-160; Bộ cấp phối tự động sản phẩm kim máy búa 31,8; Bộ lò trung tần WZP160 160KW bao gồm hệ thống cấp phối tự động; Hệ thống kiểm tra chi tiết Fushing; Hệ thống kiểm tra chi tiết trục mã 14116; Hệ thống kiểm tra chi tiết trục mã 19217; Hệ thống kiểm tra chi tiết kẹp mã 53209; Máy đóng gói tự động chi tiết kẹp mã 90302; Máy nén khí trục vít Kimar Model K10PS; Máy nén khí JRD-15NP; Máy nén khí PK 100300; Máy Server Dell Power Edge T440

2019), Tổng doanh thu đạt 98% (giảm 9,7% so với 2019)

Kết quả kiểm tra cho thấy:

Công ty đã thực hiện việc xây dựng kế hoạch SXKD và tổ chức thực hiện kế hoạch theo quy trình do Công ty ban hành. Kết quả các chỉ tiêu thực hiện năm 2019 đều vượt so với Kế hoạch do Nghị quyết HĐQT đề ra. Năm 2020 mặc dù HĐQT đã điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch do dịch Covid-19 nhưng phần lớn các chỉ tiêu chưa đạt theo Nghị quyết đề ra, duy nhất chỉ có chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế đã hoàn thành vượt bậc (tăng 73% so với Kế hoạch).

Việc xác định giá trị sản lượng công nghiệp chưa chính xác; công tác tổng hợp chưa khoa học dẫn đến số liệu kế toán và số liệu do Trung tâm Điều hành sản xuất không đồng nhất.

II. Công tác quản lý Doanh thu, chi phí và chính sách bán hàng

Công ty đã xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, quy trình, các định mức kinh tế, kỹ thuật, chính sách bán hàng¹¹ để quản lý chặt chẽ các chu trình sản xuất, gia công và tiêu thụ hàng hóa nhằm tiết giảm chi phí, tăng doanh thu đạt mục tiêu lợi nhuận cao nhất ...Tuy nhiên, việc xây dựng các quy chế, quy trình còn có một số tồn tại sau:

- Thiếu căn cứ pháp lý trong xây dựng các quy chế, chủ yếu căn cứ theo đề nghị của các bộ phận Công ty.

- Các định mức phế phẩm, tiêu hao vật tư trong sản xuất gia công chưa thể chế bằng các quyết định mang tính quy định nhằm phục vụ công tác quản lý, kiểm tra giám sát.

- Sổ ghi yêu cầu của khách hàng chưa được thực hiện đúng và đủ theo quy trình thực hiện hợp đồng mã hiệu TM-QT-06 do Công ty ban hành ngày 10 tháng 7 năm 2017 (chỉ ghi danh mục bản vẽ mới, sản phẩm có sẵn chưa được ghi); sổ ghi chưa đúng biểu mẫu quy định và đơn hàng Đại lý, thực tế cá nhân quản lý tự lưu giữ, ghi chép, chưa thể hiện được việc đã chuyển đến Giám đốc Trung tâm thương mại xem xét theo quy định của quy trình.

- Biểu mẫu xem xét các yêu cầu của khách hàng tại Quy trình thực hiện hợp đồng mã hiệu TM-QT-06 do Công ty ban hành ngày 10 tháng 7 năm 2017, trích dẫn sai số biểu mẫu (số biểu mẫu đúng TM-QT06/BM.03, quy trình ghi là TM-QT06/BM.04).

III. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được thể hiện qua bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	957.981.715.235	847.929.556.766

¹¹ Quy chế tiêu thụ sản phẩm số 47/FOMEKO ngày 18 tháng 12 năm 2008; Quy chế quản lý tài chính Ban hành kèm theo Quyết định số 74A/QĐ-HĐQT ngày 02/03 /2016; Quy chế quản lý công nợ theo QĐ số 393A/FOMEKO; QĐ số 1079/QĐ-HĐQT; Quy chế phân phối tiền lương theo Quyết định số 1534/QĐ-FOMEKO/HĐQT ngày 25/12/2017; Quy chế đặt hàng gia công hàng hóa ban hành kèm theo Quyết định số 1535/FOMEKO ngày 29/12/2017; Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 761/QĐ-FOMEKO 12/11/2018; Định mức rên, dập, Khấu hao..

2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.786.178.355	1.516.630.642
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	956.195.536.880	846.412.926.124
4	Giá vốn hàng bán	835.052.786.255	724.057.478.819
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.142.750.625	122.355.447.305
6	Doanh thu hoạt động tài chính	721.082.433	2.073.316.032
7	Chi phí tài chính	1.219.495.470	432.726.656
8	Chi phí bán hàng	13.168.999.622	14.018.432.115
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	68.779.429.495	51.459.079.369
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	38.695.908.471	58.518.525.197
13	Lợi nhuận khác	471.185.622	59.542.560
14	Lợi nhuận kế toán trước thuế	39.167.094.093	58.578.067.757

Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm: doanh thu bán hàng hóa sản phẩm cơ khí (vòng bi, con lăn, bát phuộc, hàng kết cấu và các sản phẩm cơ khí khác), doanh thu bán vật tư, nguyên vật liệu, doanh thu thuê lại đất và doanh thu từ tiền gửi ngân hàng. Trong đó, doanh thu bán sản phẩm cơ khí là chủ yếu, cụ thể: năm 2019 là 783,9 tỷ (chiếm 81,8%/tổng doanh thu), năm 2020 là 709,43 tỷ (chiếm 83,7%/tổng doanh thu); doanh thu bán vật tư, hàng hóa năm 2019 là 169,055 tỷ (chiếm 17,7%) năm 2020 là 130,2 tỷ (chiếm 15% tổng doanh thu, còn lại là doanh thu khác năm 2019 là 0,5%, năm 2020 là 1,3%. Các khoản chi phí phát sinh bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhân công, chi phí khấu hao tài sản, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

1. Việc ký kết các hợp đồng bán hàng, gia công hàng hóa

Qua kiểm tra việc ký kết thực hiện một số hợp đồng¹² cho thấy:

Phương thức theo dõi đơn hàng của Đại lý chưa chặt chẽ, thực tế Công ty chỉ theo dõi thời gian giao hàng theo mỗi sản phẩm, không có thời gian đặt hàng, đơn hàng chưa có xác nhận của Đại lý (Hợp đồng Đại lý số 31 ngày 02 tháng 01 năm 2020 với bà Nguyễn Thị Phấn; Hợp đồng Đại lý số 41 ngày 02 tháng 01 năm 2020).

Một số sản phẩm bán chưa thể hiện trên bảng giá niêm yết của Công ty (Hợp đồng Đại lý số 31 ngày 02 tháng 01 năm 2020 với bà Nguyễn Thị Phấn).

- Hợp đồng kinh tế phân phối sản phẩm nhông xích thương hiệu FBC ngày 01 tháng 02 năm 2020 với Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch Thành Gia:

+ Một số đơn hàng đặt hàng có một số sản phẩm không đạt đủ số lượng tối

¹² Hợp đồng đại lý số 31 ngày 02 tháng 01 năm 2020 với bà Nguyễn Thị Phấn; Hợp đồng với công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch Thành (gồm: Hợp đồng đại lý số 41 ngày 02 tháng 01 năm 2020; Hợp đồng kinh tế phân phối sản phẩm nhông xích thương hiệu FBC ngày 01 tháng 02 năm 2020); Hợp đồng đại lý số 18 với bà Cán Thị Thu Hà ngày 02 tháng 01 năm 2020; Hợp đồng nguyên tắc số 201016/2020/HĐNT/BRT-FOMECA ngày 16 tháng 10 năm 2020 với công ty TNHH Brothers Techno; Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 45/2020/HĐNT-MB ngày 02 tháng 01 năm 2020 với công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (DISOCO); Hợp đồng nguyên tắc gia công số 22/2020/HĐNT-GC/DSC-CKPY ngày 02 tháng 02 năm 2020 với công ty TNHH MTV Diesel Sông Công; Hợp đồng kinh tế số 12/05/QCTS-CKPY với Nhà máy Quy chế Từ Sơn ngày 12 tháng 05 năm 2020

thiếu nhưng vẫn được áp dụng giá quy định trên Hợp đồng, vi phạm Điều I của Hợp đồng, như sản phẩm bộ nhông xích FBC Jupiter R, Sirius số lượng tối thiểu là 500 bộ nhưng các đơn hàng đều không có sản phẩm này; sản phẩm bộ nhông xích FBC Win C100, số lượng tối thiểu quy định là 500 bộ. Tuy nhiên, tại đơn hàng số 12/2019, hóa đơn số 0000364 ngày 28/02/2020 xuất 299 bộ và đơn hàng số 10/2020, hóa đơn số 0001965 ngày 28/10/2020 xuất 117 bộ là chưa đúng quy định.

+ Đơn vị mua hàng chưa thực hiện đặt cọc theo quy định (đơn hàng số 10/2020 ngày 01/10/2020); đặt cọc chưa đủ 30% giá trị đơn hàng (đơn hàng 12/2019 ngày 01/12/2019 và số 05/2020 ngày 05/05/2020 chỉ đặt từ 26% - 28%); thời gian đặt cọc đơn hàng chưa đúng theo quy định tại điều II của Hợp đồng (đơn số 05/2020 đặt cọc chậm 01 tháng so với thời hạn).

- *Hợp đồng Đại lý số 18 với bà Cán Thị Thu Hà ngày 02 tháng 01 năm 2020*

Thời gian lên đơn hàng và thời gian xuất hóa đơn chưa hợp lý, hóa đơn và hàng hóa được xuất trước thời điểm đặt hàng (Tại các đơn hàng tháng 02, thời gian xuất hóa đơn là 19/2/2020, nhưng thời gian của tổng các đơn hàng tháng 02 kéo dài từ 01/02/2020 đến 27/02/2020. Giá trị hàng xuất trước khi có đơn hàng là 167.798.000 đồng).

- *Hợp đồng nguyên tắc số 201016/2020/HĐNT/BRT-FOMECO ngày 16 tháng 10 năm 2020 với Công ty TNHH Brothers Techno.*

Báo giá không được ký xác nhận hợp lệ của hai Công ty, vi phạm Điều 3 của Hợp đồng.

- *Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 45/2020/HĐNT-MB ngày 02 tháng 01 năm 2020 với Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (DISOCO).*

Báo giá chưa có xác nhận của DISOCO theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng.

- *Hợp đồng kinh tế số 12/05/QCTS-CKPY với Nhà máy Quy chế Từ Sơn ngày 12 tháng 05 năm 2020.*

+ Báo giá không có xác nhận của khách hàng theo quy định của Hợp đồng.

+ Hóa đơn số 1358 trị giá 12.672.000 đồng ngày 29 tháng 7 năm 2020 thanh toán chậm so với thời gian quy định tại điều 5 Hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa thu tiền chậm thanh toán.

2. Việc chấp hành chế độ kế toán và hóa đơn chứng từ

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Qua kiểm tra việc hạch toán kế toán và một số chứng từ kế toán cho thấy, Công ty đã thực hiện việc hạch toán kế toán, sử dụng hóa đơn chứng từ theo quy định. Tuy nhiên, còn một số tồn tại sau:

- Một số khoản tạm ứng thiếu bảng kê chi tiết dự trừ mua; Hạch toán hoàn tạm ứng chưa đúng quy định theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (kế toán hạch toán Nợ

111/141 theo số tiền tạm ứng là chưa phù hợp).

- Phiếu kế toán hạch toán và một số tài khoản hạch toán không có bảng chi tiết hoặc chứng từ kèm theo gây khó khăn trong công tác kiểm tra. Một số chứng từ chi phí chưa thực hiện việc hạch toán phân bổ theo quy định.

- Khoản lãi tiết kiệm ngày 30/10/2020 hạch toán ghi sai nội dung (ghi “trả tiền hàng”) gây khó khăn trong việc theo dõi, đối chiếu.

- Hạch toán chưa kịp thời, sai ngày hạch toán khoản lãi tiết kiệm tài khoản 213000176758 của tháng 06 năm 2020 (lãi trả ngày 13/6, hạch toán ngày 15/6).

3. Đối với việc thuê ngoài gia công hàng hóa

Công ty đã thực hiện các hợp đồng gia công (công đoạn cho sản phẩm) với 13 Nhà cung cấp gia công thuê ngoài truyền thống (Nhà cung cấp thường xuyên thực hiện các đơn hàng của Công ty). Trong quá trình thực hiện một số hợp đồng gia công, Công ty thực hiện việc cung cấp phôi theo số lượng thực xuất (có Phiếu xuất kho và Hóa đơn GTGT) cho Nhà cung cấp gia công thuê ngoài và khi nhận hàng gia công được tính theo số lượng thực nhập (có Biên bản kiểm tra chất lượng, Phiếu nhập kho và Hóa đơn GTGT). Tuy nhiên, Công ty còn một số tồn tại như:

- Báo cáo đánh giá lại (định kỳ) Nhà cung cấp gia công thuê ngoài truyền thống (Nhà cung cấp thường xuyên thực hiện các đơn hàng của Công ty) chưa cập nhật các hồ sơ, tài liệu có liên quan (Hồ sơ thiết bị, hồ sơ nhân lực, quản lý thiết bị...).

- Việc kiểm tra chất lượng hàng gia công thuê ngoài trước khi nhập kho chưa đảm bảo theo điểm 4, Điều 7 của Quy chế đặt hàng gia công số 1535/FOMECON ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Công ty như: một số lô hàng gia công thuê ngoài chưa có đánh giá về vật liệu của hàng gia công trước khi nhập kho¹³.

- Một số lô hàng khi kiểm tra có kết quả kiểm tra chưa phù hợp (NG) với Bảng tiêu chuẩn (sai số về kích thước hình học) nhưng vẫn được Công ty cho nhập kho¹⁴.

4. Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Năm 2019 -2020, Các khoản thuế phát sinh phải nộp bao gồm: thuế GTGT, thuế TNDN, thuế XNK, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà đất... việc thực hiện nghĩa vụ với nhà nước theo báo cáo Công ty như sau:

Đơn vị tính: *đồng*

DIỄN GIẢI	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm	Thuế GTGT còn được khấu trừ
Năm 2019	2.179.859.623	18.241.687.762	16.332.305.884	4.089.241.501	693.598.749
Năm 2020	4.089.241.501	21.145.102.545	20.344.112.312	4.890.231.734	285.239.676
Cộng		39.386.790.307	36.676.418.196		

¹³ Biên bản kiểm tra ngày 21 tháng 02; 27 tháng 5; 11 tháng 9; 30 tháng 9 năm 2019);

¹⁴ Biên bản kiểm tra ngày 02 tháng 5; 09 tháng 7; 23 tháng 10; 07 tháng 11 năm 2019; 27 tháng 11; 11 tháng 12; 19 tháng 12 năm 2019.

Căn cứ tài liệu do Công ty cung cấp cho thấy:

Đơn vị đã thực hiện việc kê khai các khoản thuế và nộp các khoản thuế vào NSNN. Đối với các khoản thuế còn phải nộp đến 31/12 hàng năm, trong thời gian quyết toán thuế về cơ bản đơn vị đã nộp đủ vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

Một số khoản thuế bị truy thu và phạt chậm nộp¹⁵ về thời gian thực hiện nghĩa vụ và khai chưa đúng mã số thuế nhập khẩu.

5. Việc trích lập và sử dụng các quỹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số dư năm trước chuyển sang	Số trích trong năm	Số chi trong năm	Số dư chuyển sang năm sau
Năm 2019	9.556.581.280	1.058.000.000	1.965.837.076	8.648.744.204
Quỹ đầu tư phát triển	3.512.124.618			3.512.124.618
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.653.848.065		869.839.504	2.784.008.561
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	794.000.000	1.058.000.000	774.000.000	1.078.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.596.608.597		321.997.572	1.274.611.025
Năm 2020	8.648.744.204	2.426.529.372	1.946.931.219	9.128.342.357
Quỹ đầu tư phát triển	3.512.124.618			3.512.124.618
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.784.008.561	1.560.529.372	564.933.647	3.779.604.286
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	1.078.000.000	866.000.000	1.060.000.000	884.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.274.611.025		321.997.572	952.613.453

- Việc trích lập các quỹ:

Trong năm 2019 và 2020, Công ty không thực hiện việc trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Việc trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành để thưởng cho Hội đồng quản

¹⁵ (1) Quyết định số 2024/QĐ-CT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Cục thuế tỉnh Thái Nguyên về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế:

- Truy thu thuế TNDN 27.474.150 đồng; phạt khai sai thuế dẫn đến thiếu tiền thuế, số tiền 5.494.830 đồng; tiền chậm nộp thuế 2.217.164 đồng;

- Truy thu thuế TNCN 19.186.910 đồng; phạt khai sai thuế dẫn đến thiếu tiền thuế, số tiền 3.837.382 đồng; tiền chậm nộp thuế 1.548.384 đồng.

(2) Quyết định số 2476/QĐ-CT ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Cục thuế tỉnh Thái Nguyên về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế:

- Truy thu thuế TNCN 16.848.650 đồng;

- Phạt khai sai thuế dẫn đến thiếu tiền thuế, số tiền 3.369.730 đồng; tiền chậm nộp thuế 907.539 đồng.

(3) Quyết định số 49/QĐ-XP VPHC ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Hải quan Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về khai thuế - người nộp thuế tự phát hiện khai thiếu số tiền thuế phải nộp và khai bổ sung hồ sơ khai thuế quá 60 ngày, kể từ ngày thông quan hàng hóa nhưng trước khi cơ quan hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra. Phạt 10% số tiền thuế khai thiếu của 29 tờ khai hàng hóa nhập khẩu có thời gian đăng ký từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 3 năm 2017 tương ứng với số tiền phạt phải nộp là 49.500.025 đồng.

(4) Quyết định số 288/QĐ-XP VPHC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Cục Hải quan tỉnh Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính: khai sai mã số, thuế suất dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp. Phạt tiền bằng 20% số tiền thuế phải nộp, tương ứng với số tiền 1.356.688 đồng.

trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, trưởng các trường, phó phòng của Công ty và trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Công ty thực hiện Điều 5, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Điều 5, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 12 tháng 6 năm 2020.

- Việc sử dụng các quỹ:

Năm 2019 và 2020, Công ty đã sử dụng các quỹ để chi như sau: Thưởng cho Ban quản lý, ban điều hành của Công ty; Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty; Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty; Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội; Trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội tại Công ty.

Như vậy, Công ty đã trích quỹ và sử dụng các quỹ đảm bảo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 23 tháng 4 năm 2019, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quy chế quản lý tài chính của Công ty ban hành theo Quyết định số 74A/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2016.

Phần thứ ba

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

A. KẾT LUẬN

Năm 2019 và năm 2020 tình hình hoạt động SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn như dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến SXKD, tiêu thụ sản phẩm, nhiều khoản chi phí tăng cao, các doanh nghiệp lắp ráp FDI có nhiều lựa chọn khi nhiều nhà cung cấp tham gia đòi hỏi Công ty phải đảm bảo hàng hóa chất lượng, giá thành hạ... Tuy nhiên, công tác quản lý cùng với sự đoàn kết, cố gắng của Tập thể lãnh đạo và người lao động toàn Công ty đã góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Nghị quyết của HĐQT đã đề ra. Công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản đã thực hiện theo quy định, tài sản, máy thiết bị đầu tư đều được quản lý theo dõi trên sổ kế toán và đưa vào sử dụng; hoạt động SXKD hiệu quả, KQKD hàng năm đều có lãi và lợi nhuận năm sau đều cao hơn năm trước, đã bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong công tác quản lý vốn, đầu tư và hoạt động SXKD của Công ty còn có một số tồn tại, hạn chế sau:

1. Trong công tác quản lý vốn, tài sản

- Đối chiếu xác nhận công nợ chưa đầy đủ theo quy chế quản lý công nợ.
- Hợp đồng vay số 01/2018/469346/HĐTD thành lập ngày 02 tháng 07 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt

Nam chi nhánh Nam Thái Nguyên thời gian giải ngân và thời gian hạch toán chưa phù hợp.

- Một số TSCĐ đã thanh lý năm 2020 hiện còn ghi trên Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ. Mặc dù, Công ty không thực hiện trích khấu hao nên không ảnh hưởng công tác hạch toán và kết quả SXKD của Công ty nhưng việc theo dõi tài sản như trên là không đúng quy định.

- Công tác soạn thảo một số hợp đồng chưa chặt chẽ dẫn đến phát sinh công nợ khó đòi đối với một số đối tác kinh tế.

** Quản lý tiền lương và các khoản theo lương*

- Điều chỉnh chưa kịp thời khi có sự thay đổi về nhân sự dẫn đến sai sót trong việc lập kế hoạch tiền lương.

- Chưa thực hiện việc trích quỹ dự phòng tiền lương và quỹ khuyến khích sản xuất theo quy định tại khoản 5.1 Điều 5 Quy chế Phân phối tiền lương

** Công tác quản lý, mua sắm và sử dụng vật tư*

- Một số nguyên vật liệu đầu vào sản xuất chưa phù hợp với tiêu chuẩn đặt hàng đầu vào nhưng vẫn làm thủ tục nhập kho mặc dù chi phí do nhà cung cấp chịu trách nhiệm nhưng vẫn có rủi ro về chất lượng.

- Công tác thống kê tổng hợp chưa kịp thời, chính xác việc nhập vật tư thực tế dẫn tới tình trạng trên thẻ kho vật tư âm kho, gây khó khăn trong công tác kiểm tra đối chiếu.

- Thẻ kho lập chưa cập nhật mẫu Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính như: không ghi tờ số, không có ký xác nhận của kế toán.

** Công tác quản lý vật tư thu hồi*

- Một số Biên bản tổng hợp sản phẩm sai hỏng không ghi đầy đủ nội dung về số tiền, đơn giá.

- Việc ký kết hợp đồng thuê đấu giá phế liệu và tổ chức thực hiện đấu giá phế liệu khi thực tế trong kho không đúng thực tế, vi phạm Điều 36 Luật đấu giá số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016.

2. Công tác Cải tạo sửa chữa

Hồ sơ một số hạng mục thi công chưa đầy đủ như thiếu bản vẽ hiện trạng trước khi sửa chữa, bản vẽ thiếu khối lượng, đơn giá dự toán kinh phí sửa chữa không có bộ phận thẩm định, lập thiếu căn cứ, thiếu báo giá; một số thiếu bản vẽ hoàn công, thiếu chứng chỉ vật liệu trong đầu tư, chi tiết như đã nêu tại mục II.B Phần hai.

3. Công tác mua sắm, đầu tư trang thiết bị

- Hợp đồng mua một số thiết bị¹⁶ không yêu cầu nhà cung cấp phải có chứng chỉ xuất xứ thiết bị.

- Hồ sơ mua thiết bị chưa đảm bảo theo quy định, thiếu các báo giá của nhà cung cấp (Máy Dập Hơi Automa 300T, Máy tiện CNC).

- Một số Tờ trình mua bán thiết bị theo hình thức báo giá cạnh tranh của đơn vị chỉ thể hiện nhu cầu mua thiết bị để phục vụ sản xuất, chỉ có tên thiết bị. Chưa thể hiện được rõ thông số kỹ thuật và tính năng yêu cầu về thiết bị cần mua.

4. Hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ

- Các định mức tiêu hao vật tư đối với các sản phẩm chưa thể chế bằng việc ban hành các quyết định quy định cụ thể.

- Biểu mẫu xem xét các yêu cầu của khách hàng trích dẫn sai số biểu mẫu (số biểu mẫu đúng là TM-QT06/BM.03, tại quy trình ghi TM-QT06/BM.04)

- Chưa thực hiện đúng quy trình thực hiện hợp đồng trong việc ghi số yêu cầu của khách hàng, Biểu mẫu xem xét các yêu cầu của khách hàng trích dẫn sai số biểu mẫu; Phương thức theo dõi đơn hàng của Đại lý chưa chặt chẽ, không có thời gian đặt hàng, đơn hàng chưa có xác nhận của Đại lý. Một số sản phẩm bán không có tên trên bảng giá niêm yết của Công ty.

- Chưa tuân thủ quy định hợp đồng trong bán hàng¹⁷.

5. Việc chấp hành chế độ kế toán và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Có một số tồn tại như đã nêu ở mục 2, mục 4 Phần II.

6. Đối với việc thuê ngoài gia công hàng hóa

- Chưa cập nhật các hồ sơ, tài liệu có liên quan như: Hồ sơ thiết bị, hồ sơ nhân lực, quản lý thiết bị...trong Báo cáo đánh giá lại (định kỳ nhà cung cấp) đối với các đơn vị gia công thuê ngoài truyền thống.

- Việc kiểm tra chất lượng hàng gia công thuê ngoài trước khi nhập kho chưa đảm bảo theo điểm 4, Điều 7 của Quy chế đặt hàng gia công số 1535/FOMEKO ngày 29 tháng 12 năm 2017. Một số lô hàng khi kiểm tra có kết quả kiểm tra chưa

¹⁶ Năm 2019: 09 thiết bị gồm: Máy nén khí Puma PK 72250; Máy rung cấp phối tự động (loại chống ồn); Máy rung cấp phối tự động (loại chống ồn); Máy khoan, vát mép lỗ F4,3 và taro lỗ M5 sp 14451 KZR; Lò nung phối trung tần 110KW ký hiệu HDZ-110; Máy cuốn màng pallet T1650; Máy nén khí Kimar Model KR-03; Máy nén khí Puma PK 75250; Xe nâng dầu Mitsubishi); Năm 2020, 14 thiết bị gồm: Máy hàn khí ga N-500; Rô bốt hàn FD-V8+DM350; Máy nung trung tần HDZ-160; Bộ cấp phối tự động sản phẩm kim máy búa 31,8; Bộ lò trung tần WZP160 160KW; Hệ thống kiểm tra chi tiết Fushing; Hệ thống kiểm tra chi tiết trực mã 14116; Hệ thống kiểm tra chi tiết trực mã 19217; Hệ thống kiểm tra chi tiết kẹp mã 53209; Máy đóng gói tự động chi tiết kẹp mã 90302; Máy nén khí trục vít Kimar Model K10PS; Máy nén khí JRD-15NP; Máy nén khí PK 100300; Máy Server Dell Power Edge T440)

¹⁷ Hợp đồng ngày 01 tháng 02 năm 2020 với công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch Thành Gia. Một số sản phẩm không đạt đủ số lượng tối thiểu nhưng vẫn được áp dụng giá quy định trên Hợp đồng; chưa thực hiện đặt cọc (đơn hàng số 10/2020 ngày 01/10/2020); đặt cọc chưa đủ 30% giá trị đơn hàng (đơn hàng số 12/2019, đơn hàng số 05/2020; thời gian đặt cọc đơn hàng chưa đúng theo quy định đơn số 05/2020). Báo giá chưa có xác nhận của khách hàng; chưa thu tiền do thanh toán chậm (Hợp đồng kinh tế số 12/05/QCTS-CKPY)

phù hợp (NG) với Bảng tiêu chuẩn (sai số về kích thước hình học) nhưng vẫn được Công ty cho nhập kho.

7. Xem xét trách nhiệm

Để xảy ra những tồn tại, khuyết điểm nêu trên, trách nhiệm thuộc về Tổng Giám đốc, Người quản lý đại diện vốn VEAM tại Công ty, Ban kiểm soát, Giám đốc, ban lãnh đạo Công ty và các tập thể, cá nhân có liên quan qua các thời kỳ.

B. KIẾN NGHỊ

Căn cứ Kết quả thanh tra nêu trên, Bộ Công Thương yêu cầu Công ty và các đơn vị liên quan thực hiện một số nội dung sau:

I. Đối với Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

1. Công tác hạch toán kế toán

1.1. Kiểm điểm trong việc hạch toán kế toán chưa đúng quy định; yêu cầu hạch toán đầy đủ chứng từ, phản ánh kịp thời, đúng thời gian, đúng nội dung đảm bảo theo quy định hiện hành như việc tạm ứng, hoàn ứng, vay và gửi tiền gửi ngân hàng.

1.2. Chấn chỉnh trong việc hạch toán một số bút toán và Phiếu kế toán hạch toán yêu cầu có bảng kê và chứng từ theo quy định. Thực hiện rà soát, kiểm tra việc hạch toán chi phí và phân bổ chi phí theo chế độ quy định.

2. Trong công tác quản lý vốn, tài sản

2.1. Kiểm tra, rà soát việc hạch toán thời gian giải ngân vốn vay phù hợp với sổ chi tiết; thực hiện điều chỉnh đưa ra khỏi Bảng tính khấu hao các tài sản đã bán thanh lý.

2.2. Bổ sung nội dung quy chế tiêu thụ, gia công, quy định cụ thể về việc đặt cọc trước khi thực hiện việc xuất hàng và gia công hàng hóa nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động tiêu thụ, gia công và hạn chế phát sinh công nợ. Tăng cường công tác đánh giá, kiểm tra chất lượng thành phẩm nhập kho; nghiên cứu, phân tích, đánh giá chi tiết, cụ thể khi nhận đơn đặt hàng với các mặt hàng mới nhằm nâng cao uy tín với khách hàng và giảm thiểu những chi phí phát sinh.

2.3. Chấn chỉnh trong công tác lập Kế hoạch lương; yêu cầu kiểm tra, rà soát và thực hiện đúng quy định trong việc lập Kế hoạch tiền lương và quyết toán lương theo quy định.

2.4. Rà soát làm rõ và kiểm điểm xác định trách nhiệm của cá nhân, bộ phận có liên quan trong việc nhập các vật tư không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật.

2.5. Yêu cầu mở thẻ kho theo mẫu quy định; thực hiện nghiêm việc ghi chép, cập nhật kịp thời tình hình xuất nhập vật tư thực tế tránh hiện tượng xuất âm trên thẻ kho một số vật tư đã nêu.

2.6. Chấn chỉnh trong công tác quản lý vật tư thu hồi. Yêu cầu ghi đầy đủ các nội dung trên Biên bản tổng hợp sai hỏng; Tăng cường quản lý công tác đánh giá đối với sản phẩm sai hỏng nhằm hạn chế gây lãng phí.

2.7. Tuân thủ nghiêm công tác đấu giá vật tư, phế phẩm thực hiện. Rà soát việc đấu giá phế liệu theo quy định; Làm việc với đơn vị tổ chức đấu giá xác định lại số tiền chi phí đấu giá, thu hồi khoản chi phí không đúng thực tế.

2.8. Chấn chỉnh đối với việc cho thuê lại đất trong thời gian dài không phát huy được tính chủ động trong việc mở rộng sản xuất. Tăng cường công tác quản lý và sử dụng đất. Nghiên cứu, xây dựng phương án đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, báo cáo Hội đồng quản trị, VEAM và Đại hội Cổ đông thường niên quyết định, nhằm khai thác có hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng còn lại.

3. Công tác quản lý công nợ

3.1 Thực hiện việc đối chiếu công nợ đầy đủ theo quy định.

3.2. Theo dõi, cập nhật tình hình hoạt động đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Hồng Long để làm việc về số tiền tạm ứng thiết kế công trình nhà ở tái định cư Cơ Khí Phổ Yên do đơn vị vi phạm quy định nhà nước không tiếp tục thực hiện được.

3.3 Tiến hành làm việc với Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa về khoản đầu tư 5.000 cổ phiếu; xác định tiền cổ tức hàng năm và thực hiện theo dõi, hạch toán theo quy định.

4. Công tác đầu tư, mua sắm thiết bị

4.1. Kiểm điểm trách nhiệm trong việc mua thiết bị hồ sơ không có báo giá theo quy định (Máy Dập Hơi Automa 300T, Máy tiện CNC).

4.2. Rà soát, rút kinh nghiệm, bổ sung nội dung yêu cầu về việc mua thiết bị, cần có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ, thông số kỹ thuật và tính năng của thiết bị đầu tư nhằm hạn chế rủi ro mua hàng kém chất lượng.

4.3. Tăng cường công tác dự báo, đánh giá có cơ sở về nhu cầu thiết bị, tài sản cần thiết đầu tư trước khi phê duyệt kế hoạch và thực hiện đầu tư nhằm khai thác tối đa nhân lực, cơ sở vật chất hiện có và phát huy hiệu quả cao nhất trong công tác đầu tư thiết bị.

5. Công tác cải tạo sửa chữa

5.1. Lập Hồ sơ đánh giá lại an toàn, tuổi thọ kết cấu công trình, lập hồ sơ hiện trạng bản vẽ thực tế các xưởng sản xuất, nhà kho; xây dựng kế hoạch và quy trình đầu tư, bảo trì, sửa chữa căn cứ trên thực tế hiện trạng sau khảo sát nhằm đảm bảo an toàn lao động, hạn chế gián đoạn trong sản xuất kinh doanh.

5.2. Chấn chỉnh, việc lập dự toán khối lượng cải tạo sửa chữa phải có căn cứ. Thực hiện việc rà soát, bổ sung các tài liệu có liên quan đến công tác thi công, hoàn công cải tạo sửa chữa theo quy định. Rà soát, xuất toán những khoản chi hồ sơ không đảm bảo theo quy định.

5.3. Bổ sung nội dung quy định về việc kí kết và thực hiện hợp đồng cải tạo, sửa chữa, yêu cầu quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ các bên và điều kiện thưởng phạt trong việc tuân thủ các điều kiện hợp đồng.

5.4. Ban hành quy định về việc lập hồ sơ, các tài liệu cần có trong công tác cải tạo, sửa chữa từ khâu lập dự toán, dự trù và nghiệm thu thanh toán làm cơ sở các bộ phận thực hiện nhằm tăng cường công tác quản lý, và hạn chế, khắc phục các tồn tại đã nêu.

6. Hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

6.1. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm việc báo cáo tổng hợp số liệu sản lượng công nghiệp yêu cầu chính xác, có căn cứ làm cơ sở đánh giá mức độ thực hiện theo chỉ tiêu Kế hoạch.

6.2. Khẩn trương rà soát, ban hành các quyết định mang tính pháp lý quy định về định mức, tiêu chuẩn vật tư tiêu hao, chi phí trong hoạt động sản xuất, gia công nhằm phục vụ công tác quản lý và cơ sở để các đơn vị sản xuất thực hiện.

6.3. Chấn chỉnh, thực hiện đúng quy trình quy định thực hiện hợp đồng về biểu mẫu. Chú trọng trong việc soạn thảo, ký kết hợp đồng kinh tế (chi tiết, cụ thể về: chế tài phạt vi phạm; quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên...) nhằm hạn chế thiệt hại trong thực hiện hợp đồng kinh tế.

6.4. Rà soát việc đặt hàng và đặt cọc mua hàng theo quy định. Kiểm điểm, xác định trách nhiệm cá nhân trong việc xuất bán hàng khi đơn vị mua hàng chưa thực hiện đặt cọc theo quy định và sản phẩm không đạt đủ số lượng tối thiểu nhưng vẫn được áp dụng giá quy định trên Hợp đồng. Thực hiện thu tiền chậm thanh toán theo quy định hợp đồng.

6.5. Chấn chỉnh việc theo dõi đơn hàng, bảng giá niêm yết của Công ty cập nhật đầy đủ sản phẩm bán; báo giá yêu cầu các bên ký xác nhận đầy đủ; Yêu cầu việc báo giá hàng hóa, xuất hàng tuân thủ đúng theo quy trình thực hiện hợp đồng của Công ty.

6.6. Thường xuyên cập nhật các hồ sơ, tài liệu có liên quan như: Hồ sơ thiết bị, hồ sơ nhân lực, quản lý thiết bị...trong Báo cáo đánh giá định kỳ nhà cung cấp đối với các đơn vị gia công thuê ngoài truyền thống. Chấn chỉnh, yêu cầu thực hiện nghiêm việc kiểm tra chất lượng hàng gia công thuê ngoài trước khi nhập kho chưa đảm bảo theo Quy chế đặt hàng gia công.

6.7. Thực hiện việc trích quỹ dự phòng tiền lương và quỹ khuyến khích sản xuất theo Quy chế Phân phối tiền lương do Công ty ban hành. Xây dựng kế hoạch trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và cấp có thẩm quyền quyết định nhằm chủ động trong việc đầu tư chiều sâu, mở rộng quy mô sản xuất.

7. Thời hạn báo cáo Kết quả thực hiện Kết luận thanh tra

Yêu cầu tiến hành kiểm điểm, xác định trách nhiệm cá nhân đối với tổ chức, cá nhân có liên quan để xảy ra những tồn tại nêu trên, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện Kết luận về Bộ Công Thương (Thanh tra Bộ) trước ngày 30 tháng 9 năm 2022.

II. Đối với người đại diện vốn VEAM

1. Với chức năng nhiệm vụ được giao, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

việc quản lý, sử dụng vốn và có ý kiến trong việc xây dựng các quy trình trong đầu tư, mua sắm, cải tạo sửa chữa theo quy định, nhằm quản lý chặt chẽ vốn đầu tư và đảm bảo không bị gián đoạn trong sản xuất, phù hợp tình hình hoạt động SXKD của Công ty, nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Có kế hoạch sử dụng đất chưa sử dụng báo cáo Hội đồng quản trị và VEAM quyết định nhằm phát huy hiệu quả công tác sử dụng đất.

III. Đối với Tổng Công ty máy động lực và máy Nông nghiệp Việt Nam-CTTP (VEAM)

1. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tài chính trực tiếp tại các đơn vị có vốn của VEAM nói chung và Công ty FOMEKO nói riêng nhằm giúp các đơn vị thực hiện đúng các quy định pháp luật trong hoạt động SXKD, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Chỉ đạo người đại diện vốn VEAM tại Công ty rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất và nhà xưởng có phương án đầu tư mở rộng sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

IV. Đối với đơn vị chức năng thuộc Bộ Công Thương

1. Vụ Tài chính và Đối mới Doanh nghiệp: Định kỳ xây dựng kế hoạch giám sát và thực hiện giám sát tài chính VEAM và các đơn vị thành viên nhằm giúp VEAM thực hiện đúng các quy định pháp luật trong hoạt động SXKD, bảo toàn vốn nhà nước.

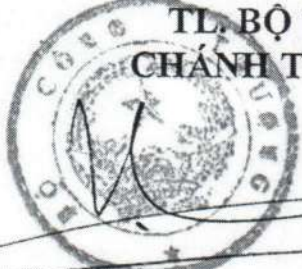
2. Giao Thanh tra Bộ kiểm tra, đôn đốc VEAM, người đại diện vốn VEAM, Công ty thực hiện Kết luận thanh tra và tổng hợp báo cáo lãnh đạo Bộ theo quy định.

Trên đây là Kết luận thanh tra dựa trên cơ sở báo cáo và hồ sơ, tài liệu do Công ty, tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp. Việc cung cấp hồ sơ, giải trình không đầy đủ và sai thực tế, đại diện vốn VEAM tại Công ty, Giám đốc, các bộ phận, tổ chức và cá nhân Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Đỗ Thắng Hải;
- Vụ TC;
- Tổng Công ty VEAM
- ✓ Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên;
- Lưu: VT, TTb, P3, HS Đoàn TTr.

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH THANH TRA**



Lê Việt Long